

## LẬP TRÌNH TEB308 / 824 CƠ BẢN BẰNG BÀN KEY

- Bắt đầu vào lập trình hệ thống:

(Để lập trình hệ thống thì bàn lập trình phải gắn vào Port 1)

Nhấn phím Program -> \*#1234 -> "System No?" -> nhập mã lập trình theo hướng dẫn dưới đây:

**Chú ý:** Các lệnh sau đây tương đương với các phím trên bàn lập trình KXT7730 hoặc KXT 7030

Next: tương đương với phím SP-Phone dùng để lật trang màn hình đi tới

Select: tương đương với phím Auto Answer

Store: Tương đương với phím Auto dial store

End: Tương đương với phím Hold

FWD: Dùng để di chuyển con trỏ đi tới

CONF: Dùng để di chuyển con trỏ đi lui

Redial: Dùng để lui trang màn hình trở lui

### I. Ngày giờ hiện hành :

- Nhập 000 -> bấm Next ( SP-Phone ) -> Year ( 00-99 ) nhập hai số cho năm -> bấm Select ( Auto answer: chọn từ Jan -> Dec ) cho tháng -> Day ( 1 -> 31 ) nhập hai số cho ngày -> bấm Select ( Auto answer: chọn Sun -> Sat ) -> Hour ( Bấm từ 1 -> 12 ) để chọn giờ -> Minute ( Bấm từ 00 -> 99 ) để chọn phút -> bấm Select ( Auto answer: AM/PM ) để chọn AM/PM -> bấm Store ( auto dial ) để lưu -> bấm End ( Hold ) để kết thúc .

### II. Đổi Password lập trình hệ thống:

- Nhập 002 -> bấm Next -> Password( 0000 – 9999 ) nhập Password bốn số cần thay đổi (mặc định là 1234) -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc .

### III. Bàn giám sát DSS :

- Nhập 003 -> bấm Next -> DSS Console No ( 1->2 ) nhập 1 hoặc 2 để chọn bàn DSS1 hay DSS2 -> Ext Jack No ( 02-> 16 ) chọn jack đã gắn bàn DSS -> bấm Store -> bấm end kết thúc .
- Nhập 004 -> bấm Next -> DSS Console No ( 1->2 ) Nhập 1 hoặc 2 để chọn DSS 1 hoặc 2 vừa chọn ở bước trên -> Ext Jack No ( 01-> 16 ) chọn Jack mà gắn bàn lập trình (thường chọn Jack 01) -> bấm Store để lưu -> bấm End để kết thúc .

### IV. Chế độ ngày đêm chuyển đổi tự động ( Auto ) hoặc nhân công ( Man ):

- Nhập 006 -> bấm Next -> bấm Select để chọn Auto hay Man -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc .

### W. Định thời gian làm việc ở chế độ ngày đêm :

- Nhập 007 -> bấm Next -> bấm Next ( Sun -> Sat ) để chọn thứ hoặc Prew-tương đương phím Redial( sun -> sat ) hoặc "\*" ( everyday ) chọn tất cả các ngày trong tuần -> bấm

Select ( day / night / lunch –S/lunch-E ) chọn chế độ ngày,đêm-> Hour ( 1 -> 12 ) bấm từ 1->12 chọn giờ -> Minute (00 -> 59 ) nhập từ 00-59 chọn phút -> bấm select chọn AM hoặc PM -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc.

VI. Chọn Jack làm máy Operator :

- Nhập 007 -> bấm Next -> Ext jack No ( 01 -> 08 ) nhập từ 01-> 08 để chọn Jack cho Operator -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc .

VII. Thay đổi số máy nhánh : có 3 Plan.Để thay đổi số máy nhánh bạn có thể chọn một trong 3 Plan sau

Plan 1 : 100 -> 199

Plan 2 : 100 -> 499

Plan 3 : 10 -> 49

- Nhập 003 -> bấm Next -> bấm Select chọn Plan 1/2/3 -> bấm Store -> bấm Next -> Ext jack No ( 01->24 ) -> Ext No nhập số máy nhánh cần thay đổi -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc.

VIII. Kết nối CO hoặc không kết nối CO:

- Nhập 400 ->bấm Next -> outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1->8 để chọn C01-C08 hoặc "\*" chọn tất cả CO ->bấm Select chọn Connect hoặc No connect ->bấm Store để lưu ->bấm End kết thúc .

IX. Chọn chế độ quay số cho CO line :chọn chế độ DTMF

- Nhập 401 -> bấm Next -> Outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1->8 chọn C01->C08 hoặc "\*" chọn tất cả
- CO -> bấm Select để chọn DTMF -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc.

Y. Xác lập máy đồ chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :

Chế độ ngày : ( *theo thời gian trong chương trình 007* )

- Nhập 408 -> bấm Next -> Outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc bấm "\*" để chọn tất cả CO -> Ext jack No ( 01...24/\* ) nhập từ 01->24 chọn máy đồ chuông hoặc bấm "\*" chọn tất cả máy nhánh đồ chuông -> bấm Select chọn Enable / Disable-> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc.

Chế độ đêm : ( *theo thời gian trong chương trình 007* )

- Nhập 409 -> bấm Next -> Outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc "\*" chọn tất cả các CO -> Ext Jack No ( 01...24/\* ) nhập 01->24 chọn máy đồ chuông hoặc bấm "\*" chọn tất cả các máy đồ chuông ->bấm Select chọn Enable/ Disable-> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc .

Chế độ trưa : ( *theo thời gian trong chương trình 007* )

- Nhập 410 -> bấm Next -> Outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc bấm "\*" chọn tất cả CO -> Ext Jack No ( 01...24/\* ) nhập 01-> 24 chọn máy đồ chuông

hoặc bấm “\*” chọn tất cả các máy đổ chuông -> bấm select chọn Enable/ Disable -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc.

XI. Chế độ Delay chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :

Chế độ ngày tương ứng với chương trình 408

- Nhập 411 -> bấm Next -> Outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc bấm “\*” chọn tất cả C0 -> Ext Jack No (01...24/\*) nhập 01 ->24 chọn máy nhánh đổ chuông Delay -> bấm Select chọn Immediately, 5s, 10s , 15s -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc .

Chế độ đêm tương ứng với chương trình 409

- Nhập 412 -> bấm Next -> Outside line No ( 1...8/\* ) nhập-> chọn C01->C08 hoặc bấm \* chọn tất cả C0 -> Ext Jack No(01...24/\*) nhập 01->24 chọn máy nhánh đổ chuông Delay hoặc bấm \* tất cả các máy nhánh đổ chuông Delay ->bấm Select chọn Immediately, 5s, 10s , 15s -> bấm Store để lưu-> bấm End kết thúc .

Chế độ trưa tương ứng với chương trình 410

- Nhập 413 -> bấm next -> outside line No ( 1...8/\* ) nhập 1-> 8 chọn C01->C08 hoặc ) chọn tất cả C0 -> Ext Jack No (01...24/\*) nhập 01->24 chọn máy nhánh đổ chuông Delay hoặc bấm “\*” chọn tất cả các máy đổ chuông Delay -> bấm Select chọn Immediately, 5s, 10s , 15s -> bấmStore để lưu -> bấm End kết thúc .

XII. Chế độ Hunting: Tìm máy rỗi trong nhóm đổ chuông

- Nhập 600 ->bấm next -> Ext jack No ( 01 -> 24 ) nhập 01->24 chọn máy nhánh để nhóm trong một nhóm -> Ext group ( 1...8 ) nhập 1->8 chọn nhóm -> bấm Store để lưu -> bấm End kết thúc . ( Chọn các Ext vào trong một nhóm )
- Nhập 100 -> bấmNext -> Ext group No ( 1...8 ) nhập 1->8 chọn nhóm máy nhánh -> bấm Select chọn Enable/ Disable -> bấm Store lưu -> bấm End kết thúc . ( Chọn Group Ext dùng Hunting tương ứng với lệnh 600 ) .
- Nhập101 -> bấm Next -> Ext group ( 1...8 ) nhập 1-> 8 chọn nhóm máy nhánh -> bấm Select chọn Terminal / Circular -> bấm Store lưu -> bấm End kết thúc
- Nhập 414 ( chế độ ngày ) -> bấm Next -> Outside line No(1...8/\*) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc tất cả các C0 -> bấm Select chọn Normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD (chọn DIL) -> Ext Jack No (01->24/\*) nhập 01->24 chọn máy nhánh hoặc bấm “\*” chọn tất cả máy nhánh -> bấm Store lưu ->bấm End kết thúc. ( Chọn DIL cho EXT jack thấp nhất trong nhóm )
- Nhập 415 ( chế độ đêm ) -> bấm Next -> Outside line No(1...8/\*) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc bấm “\*” chọn tất cả C0 -> bấm Select Normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD (chọn DIL) -> Ext Jack No (01...24/\*) nhập 01->24 chọn máy nhánh hoặc bấm “\*” chọn tất cả máy nhánh -> bấm Store lưu ->bấm End kết thúc. ( Chọn DIL cho EXT jack thấp nhất trong nhóm )
- Nhập 416 ( chế độ trưa ) -> bấm Next -> outside line No (1...8/\*) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc bấm “\*” chọn tất cả các C0 -> bấm select

normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD (chọn DIL) -> Ext Jack No (01...24/\*) nhập 01->24 chọn máy nhạlnh hoặc bấm "\*" chọn tất cả các máy nhánh -> bấm Store lưu -> bấm end kết thúc. ( Chọn DIL cho EXT jack thấp nhất trong nhóm )

### XIII. Chế độ DISA :

Khi gọi vào trên Co sử dụng disa thì tổng đài phát ra bản tin OGM ,người gọi có thể bấm trực tiếp số nội bộ muốn gặp(nếu biết).Nếu không bấm gì thì cuộc gọi tự động chuyển về operator đã quy định.Phải có card disa

- Nhập 414 ( chế độ ngày ) -> outside line No (1...8/\* ) nhập 1-> 8 chọn C01-> C08 hoặc bấm "\*" chọn tất cả C0 -> bấm select chọn normal/DIL/OGM1/OGM2/UCD (chọn OGM 1 hoặc OGM 2) -> bấm Store lưu -> bấm End kết thúc . ( Chọn OGM1/OGM2 )
- Nhập 415 ( chế độ đêm ) -> outside line No (1...8/\* ) nhập 1->8 chọn C01-> C08 hoặc bấm \* tất cả các C0 -> bấm select NORMAL/DIL/OGM1/OGM2/UCD (chọn OGM 1 hoặc OGM 2) -> bấm Store -> bấm End kết thúc.
- Nhập 416 ( chế độ trưa ) -> next-> outside line No (1...8/\* ) nhập 1->8 chọn C01->C08 hoặc bấm \* chọn tất cả các C0 -> bấm select NORMAL/DIL/OGM1/OGM2/UCD ( chọn OGM 1 hoặc OGM 2) -> bấm Store lưu -> bấm End kết thúc . ( Chọn OGM1/OGM2 ) .

### XIV. Chế độ DISA 3 cấp:

- Nhập 500 -> bấm next -> bấm select with AA/Without AA ( chọn with AA) ->bấm Store lưu -> bấm end kết thúc ( chọn WithAA )
- Nhập 501 -> bấm next ->AA No ( 0->9 ) nhập 0->9 tương ứng với 10 máy nhánh trong chế độ AA -> bấm select Jack/Grp/3 level AA/Not Store ( chọn 3 LevelAA) -> Ext jack No( 01...24 ) hoặc Ext Group No( 1....8 ) -> bấm Store lưu -> bấm end kết thúc .

\* Chú ý: Chọn AA No từ 0 -> 9 tương ứng với 10 máy nhánh trong Disa cấp 2 sau để chọn ở chế độ 3 level AA tương ứng cho AA No từ 0 -> 9 .

- Nhập 5X (X= 40 -> 49 ) -> bấm Next -> Second AA No ( 0...9 ) -> third AA No ( 0...9/\* ) -> bấm select ( Jack/Grp/3 level AA/Not Store ) -> Ext jack No( 01...24 ) hoặc Ext Group No( 1....8 ) -> bấm Store lưu ->bấm end kết thúc .
  - + X: ( 40 -> 49 ) tương ứng AA No từ 0 -> 9 .
  - + Second AA No: chọn số AA No theo từng nhánh từ 0 -> 9 . Sau đó chọn \* cho Third AA No: và chọn 3 level AA cho tất cả các nhánh trong third AA No
  - + Third AA No: chọn số tương ứng cho từng nhánh từ AA No ( 0 ->9 ) để gán cho từng Jack cho từng Ext .
  - + 414, 415, 416 : khai báo vào chế độ DISA cấp I ( Disa tổng ) .

XV. UCD( Phân chia cuộc gọi đồng nhất) : Nếu có cuộc từ ngoài vào các máy đổ chuông bạn trên đường Co sử dụng chế độ UCD thì tổng đài sẽ thực hiện chế độ UCD như phát bản thông báo khoảng thời gian chờ hoặc kke61t thúc cuộc gọi...Phải có card disa

- Nhập 4X ( 14-16 ) -> bấm next -> CO line No (1->8/\* nhập từ 1->8 để chọn từng CO nhập \* nếu chọn tất cả->bấm select chọn Normal/UCD/ Modem(chọn UCD) ->bấm Store lưu -> bấm end kết thúc

\* Lưu ý:

+ X : 14-16: ngày , đêm ,

trưa Chọn UCD.

- 408 cho chế độ ban ngày để chọn máy đổ chuông .khai báo giống mục V
- 409 cho chế độ ban đêm để chọn máy đổ chuông .Khai báo giống mục V
- 410 cho chế độ ban trưa để chọn máy đổ chuông .Khai báo giống mục V
- Nhập 600 -> bấm next -> Ext Jack No(chọn máy đã khai báo đổ chuông phía trên) -> Ext group No (cho những máy đổ chuông vào cùng 1 nhóm) - > bấm store lưu -> bấm end kết thúc

Cho những máy đổ chuông vào một nhóm.

- Nhập 100 -> bấm next -> Ext group No (chọn nhóm đổ chuông) -> bấm Select ( Enable/Disable ) -> bấm store lưu ->bấm end kết thúc

Chọn nhóm có những máy đổ chuông về chế độ Enable.

- Nhập 101 -> bấm next -> Ext group No -> bấm Select ( Terminal / Circular ) -> bấm store lưu -> bấm end kết thúc

Chọn Terminal / Circular cho nhóm “Ext group No” đã chọn ở chương trình 100

+ Terminal chế độ đổ chuông không xoay vòng

+ Circular chế độ đổ chuông xoay vòng

- Nhập 527 ->bấm next -> UCD OGM No chọn 1..8 -> bấm store lưu ->bấm end kết thúc.

Chọn bản tin UCD phát ra khi các máy đổ chuông bận

- Nhập 521 ->bấm next -> waiting time ( 1-32 min/1-59s ) ->bấm Select chọn thời gian ->bấm store lưu->bấm end kết thúc .

Chọn khoảng thời gian chờ khi phát bản tin UCD khi các máy bận.

Trong thời gian này nếu máy nào trong nhóm đổ chuông mà rảnh sẽ đổ chuông .Thời gian chờ có thể thay đổi từ 1s<sup>đến</sup> 32min

- Nhập 523 -> bấm next -> bấm select chọn Intercept- Disa/Disconnect – OGM -> Disa/UCD OGM No ( 1..8 ) -> bấm store lưu -> bấm end kết thúc .

Intercept :

+ Normal : đổ chuông ở máy được khai báo đổ chuông sau UCD hoặc nhấn trực tiếp số nội bộ .

+ Disa : Phát bản tin OGM và đổ chuông ở máy khai báo sau UCD hoặc nhấn trực tiếp số nội bộ .

Disconnect :

+ Normal : kết thúc .

+ DISA: Phát ra bản tin rồi kết thúc .

XVI. Cấm Ext gọi ra trên đường CO:

- Nhập 4X (X=05,06,07) -> bấm next -> outside line no nhập 1..6 chọn từ CO 1..C06 hoặc bấm "\*" chọn tất cả CO -> Ext Jack No (chọn ext jack từ 1-> 24 hoặc "\*" chọn tất cả) -> bấm select ( enable chế độ cho phép chiếm co khi bấm số 9 gọi ra ngoài / disable chế độ không cho gọi ra ngoài ) -> bấm store lưu -> bấm end kết thúc .

+ X=05 ban ngày, 06 ban đêm, 07 trưa

Chọn Enable cho các Ext trên đường CO nếu cho máy Ext chiếm CO gọi ra ngoài . Nếu không cho thì chọn Disable .

#### XVII. Hạn Chế cuộc gọi:

- Nhập 3X (X= 02-05 ) -> bấm next -> Code No ( 01-20 là nơi tạo mã cấm cho từng cos từ cos 2 -> cos 5) -> bấm store lưu -> bấm end kết thúc
  - + 02 : Class 2
  - + 03 : Class 3
  - + 04 : Class 4
  - + 05 : Class 5
- Nhập 6X (X= 01..03 ) -> bấm next -> Ext jack No ( 01..24/\* ) -> cos No ( Ext jack ở Cos 1 thì không bị giới hạn ) -> store(lưu) -> end(kết thúc) .
  - + 01 : cho ban ngày
  - + 02 : cho ban ngày
  - + 03 : cho ban ngày

#### XVIII. Gọi ra ngoài bằng Account code:

- Nhập 605 -> next -> Ext jack No ( 01..24/\* ) -> select ( Option/ Forced/ Verify all / verify toll ) -> store -> end .
  - + Verify all: ko tạo mã cấm nào trong chương trình ( khi gọi ra ngoài là phải nhập Account code ) .
  - + Verify toll: Áp dụng từ class 3 -> class 5 . khi đó đã tạo những mã cấm trong chương trình 303 -> 305 . Muốn gọi phải nhấn account code . những mã không cấm trong chương trình 303->305 không cần nhấn account code .
- Nhập 310-> next -> code No ( 01-50 ) -> account code ( 0->9 ) -> store -> end .  
Tạo mã Account để khi gọi thì nhấn mã có 4 ký tự .(0000->9999)
- Nhập 303-305 : tạo mã cấm tương ứng khi sử dụng từng class ( 3->5 ) ở chế độ verify – toll .
- Nhập 601-602-603 : đưa Ext jack No vào class sử dụng account code ( class 3 -> class 5 ) .

#### XIX. ARS: Tự động chèn dịch vụ 171,178,177,179 khi gọi đường dài liên tỉnh quốc tế

- Nhập 350 -> next -> Co line No ( 1..8/\* .chọn CO để sử dụng chế độ ARS) nhập từ 0->8 nếu chọn từ CO 1-> CO 2, chọn tất cả thì chọn \* -> select ( enable chọn chế độ sử dụng ARS / Disable không chọn chế độ ARS ) -> Store -> end .

Chọn đường CO để sử dụng dịch vụ ARS ( Enable ) .

- Nhập 351 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end

Chọn mã vùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ ARS cho Route 1 .

- Nhập 352 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end

Chọn mã vùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ ARS cho Route 2

- Nhập 353 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end

Chọn mã vùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ ARS cho Route 3 .

- Nhập 354 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end

Chọn mã vùng dùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ ARS cho Route 4 .

- Nhập 361 -> next -> Route No ( 1..4 ) -> chọn từ 1 -> 4 để chọn Route 1 ->Route 4-> added Number -> store-> end

(chèn mã dịch vụ như 171,177,178,179 cho từng Route tương ứng)-> Store-> end

#### XX. Đảo cực:

- Nhập 424-> next -> Co line No ( 1..8/\* ) chọn từ 1 ->8 cho CO 1->CO 8 hoặc chọn tất cả thì chọn "\*" -> select ( enable chọn chế độ đảo cực / Disable không chọn chế độ đảo cực ) -> Store -> end

Enable : chọn chế độ đảo cực .

#### XXI. Chỉnh thời gian Flash time :

- Nhập 418-> next -> Co line No ( 1..8/\* ) nhập từ 1->8 nếu chọn từ CO 1-> CO 8 nhập "\*" nếu chọn tất cả-> select ( 600/900/1200ms ) -> Store -> end

#### XXII. Giới hạn thời gian gọi ra ngoài :

- Nhập 212-> next -> Time ( 1->32 minute là thời gian cần giới hạn )-> Store-> end .

Tạo khoảng thời gian giới hạn để đàm thoại ( 1-> 32 min )

- Nhập 613 -> next -> Ext jack No ( 01..24/\* chọn jack Ext từ 0 -> 24 nếu chọn tất cả các jack thì nhập \* )-> select (enable là giới hạn/ Disable là không giới hạn ) -> Store-> end

Chọn Ext nào giới hạn thời gian gọi ra .

#### XXIII. Giới hạn gọi ra trên đường CO :

- Nhập 205 -> next -> ( 1-32min là thời gian cần giới hạn ) -> store -> end.

Áp dụng khi sử dụng ở chế độ call forwarding to out side CO line , call transfer to outside CO line . Khi hết thời gian giới hạn sẽ chấm dứt cuộc đàm thoại .

#### XXIV. Chuyển cuộc gọi trên đường CO line :

- Nhập 606 -> next -> Ext jack No ( 01...24/\* nhập từ 1->24 để chọn Ext jack nếu chọn tất cả các jack thì nhập \* ) -> select (enable chế độ cho phép chuyển ) cuộc gọi/ Disable chế độ không cho phép chuyển cuộc gọi) -> Store -> end.

Enable ( cho ) , Disabl( không cho ) Ext tranfer to outside CO line .

XXV. Call Forwarding cuộc gọi trên đường CO line :

- Nhập 607 -> next -> Ext jack No ( 01...24/\* nhập từ 1->24 để chọn từ jack 1->24,nhập \* nếu chọn tất cả ) -> select (enable chế độ cho phép sử dụng / Disable không cho phép ) -> Store -> end .
  - + Enable ( cho ) , Disable( không cho ) Ext call forwarding outside CO line .

XXVI. Reset dữ liệu hệ thống( reset phần mềm )

- Nhập 999 -> Next -> Select ( all para / system / CO / Ext / Dss /Speed dial ) -> store -> end .
  - + All para : Reset Tổng Đài trả về giá trị Default .
  - + CO para : Reset Tổng Đài trả về giá trị Default của các chức năng CO line
  - + Ext para : Reset Tổng Đài trả về giá trị Default của các chức năng Ext line
  - + DSS para : Reset Tổng Đài trả về giá trị Default của các chức năng DSS console

XXVII. Hiển thị số gọi đến:

- Nhập 900-> Next -> CO line No ( 1...8/\* nhập từ 1->8 nếu chọn từ CO 1-> CO 2,nhập \* nếu chọn tất cả các CO) -> Select (enable chế độ hiển thị / Disable chế độ không hiển thị ) -> store-> end

Chọn có hoặc không có hiển thị trên từng CO

- Nhập 910 -> Next-> CO line No ( 1...8/\* nhập từ 1->8 nếu chọn từ CO 1->CO 8,nhập \* nếu chọn tất cả ) -> Select ( FSK chọn chế độ hiển thị ở hệ FSK / DTMF chọn chế độ hiển thị ở hệ DTMF) -> store-> end .

Chọn chế độ hiển thị FSK hoặc DTMF cho từng CO line .

XXVIII. Set cổng COM máy in RS232C

- Nhập 800 -> Next -> Select ( CR + LF/CR ) -> Store -> Next -> Select( 1200/2400/4800/9600bps tốc độ máy in phải giống với tốc độ của tổng đài ) -> store -> next -> select ( 7/8 bit ) -> store -> next -> select ( Mark/Space/ Even / all/ none ) -> store -> next -> select ( 1 bit / 2bit ) -> store -> end .
  - + Chọn mã đường line : CR + LF/CR
  - + Chọn tốc độ bit : 1200/2400/9600/4800
  - + Chọn độ dài ký tự : 7/8 bit .
  - + Chọn bit parity : Mark/Space / even/ old/ None
  - + Chọn bit stop : 1 bit /2bit .

XXIX. Chọn chế độ in hay không in cuộc gọi ra hoặc vào:

- Nhập 802 -> next -> select ( On / Off / toll ) -> store -> next -> select ( On / Off ) -> store -> end .
  - + Outgoing call : cuộc gọi ra : ON(in tất cả cuộc gọi) / OFF(không in)/ Toll ( in những cuộc gọi giới hạn ).
  - + Incoming call : Cuộc gọi vào : On(in) / Off (không gọi)